

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 20/8/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê và ông Phạm Chính.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Thoang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kiều Công P, sinh năm 1970 và bà Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn ĐT, xã HĐĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Bà D ủy quyền cho ông P (theo Giấy ủy quyền ngày 26/10/2023). Ông P có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Trần Đình L, sinh năm 1978; HKTT: Thôn ĐT, xã HĐĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên; hiện trú tại: Thôn MH, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Mỹ D1, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn ĐT, xã HĐĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Kiều Công P (ông P còn nhận ủy quyền của bà Trương Thị Mỹ D) trình bày:

Năm 2021, ông Kiều Công P và bà Trương Thị Mỹ D có bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông Trần Đình L, bà Trần Thị Mỹ D1 để xây dựng nhà. Quá trình mua và thanh toán ông P, bà D có tự lập sổ theo dõi, tính đến ngày 30/12/2021 số tiền nợ là 90.302.000 đồng và ngày 27/02/2022 trả 20.000.000 đồng nên số nợ còn lại là 70.302.000 đồng, hai bên có viết giấy và ông L ký xác nhận nợ. Hiện tại ông L, bà D1 đã bán ngôi nhà này và chuyển đi nơi khác ở mà

không thông báo cho ông P, bà D biết. Ông P, bà D nhiều lần đòi nợ nhưng đến nay ông L, bà D1 không trả nên khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông L, bà D1 phải trả số tiền còn nợ là 70.302.000 đồng, không yêu cầu lãi phát sinh.

Bị đơn ông Trần Đình L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có lời trình bày, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 70.302.000 đồng về khoản hợp đồng mua bán tài sản (vật liệu xây dựng), nguyên đơn không yêu cầu lãi phát sinh nên đề nghị không xem xét; Về án phí: bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán tài sản, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo như Giấy nợ mua vật tư xây dựng nhà và phù hợp kết quả xác minh ngày 29/11/2023; 30/11/2023 và ngày 17/4/2024, ông Trần Đình L và bà Trần Thị Mỹ D1 đăng ký nhân khẩu thường trú ở xã HĐĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên, tháng 10/2023 ông L, bà D1 chuyển đi nơi khác nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết, ông L hiện đang sinh sống ở xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên, đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên theo quy định tại

khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Về số tiền nợ: Nguyên đơn ông Kiều Công P và bà Trương Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D1 trả số tiền nợ gốc là 70.302.000 đồng về khoản hợp đồng mua tài sản là vật liệu xây dựng, bị đơn ông Trần Đình L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có lời trình bày. Xét Giấy nợ mua vật tư xây nhà ngày 09/6/2023, tuy trên giấy chỉ có ông L ký tên nhưng nội dung thể hiện năm 2021 vợ chồng ông P, bà D bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông L, bà D1 xây dựng nhà, bà D1 có thanh toán 20.000.000 đồng tiền nợ vào ngày 27/02/2022 và số nợ còn lại là 70.302.000 đồng; theo kết quả xác minh ngày 17/4/2024, trưởng thôn ĐT cung cấp nội dung “đầu năm 2021 ông L, bà D1 xây dựng nhà ở của vợ chồng ở thôn ĐT”, biên bản làm việc với ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1978, trú cùng thôn, là người nhận thầu xây dựng nhà cho ông L, bà D1 có nội dung “ông L, bà D1 xây dựng nhà từ tháng 02/2021 đến tháng 6/2021 là hoàn thành” ... “ông L, bà D1 mua sắt và xi măng của ông P, bà D trú cùng thôn” và công văn số 58/UBND ngày 22/5/2024 của UBND xã HĐĐ có nội dung “ông L, bà D1 xây dựng nhà của 02 vợ chồng vào năm 2021 ở thôn ĐT”. Nhận thấy, Giấy nợ mua vật tư xây nhà ngày 09/6/2023 phù hợp tài liệu, chứng cứ khác tại hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định ông L, bà D1 xây dựng nhà chung năm 2021 là đúng thực tế và còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng, nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, căn cứ khoản 2 Điều 440 Bộ luật Dân sự “các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản” thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận. Hiện nay, ông L, bà D1 đã ly hôn nên buộc ông L, bà D1 mỗi người phải trả ½ số nợ nêu trên.

Về tiền lãi phát sinh: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông L, bà D1 chịu $70.302.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.515.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm, phần mỗi người phải chịu 1.757.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 430, 440, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D1 phải trả cho nguyên đơn ông Kiều Công P và bà Trương Thị Mỹ D số tiền nợ gốc 70.302.000 đồng (*Bảy mươi triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng*), trong đó: Ông Trần Đình L phải trả 35.151.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng*); bà Trần Thị Mỹ D1 phải trả 35.151.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn ông Trần Đình L phải chịu 1.757.500 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D1 phải chịu 1.757.500 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Kiều Công P và bà Trương Thị Mỹ D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.757.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi bảy*

nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010199 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- Lưu AV và HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật